TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 292/2020/QĐST-HNGĐ	*Ba Tri, ngày 11 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 463/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Văn M, sinh năm 1986.

ĐKTT: Số 349C, ấp ấp A, xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thi N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 005/GL, ấp D, xã E, huyện F, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Đỗ Thi N.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn M và chị Đỗ Thi N. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 15/2018, ngày 18/05/2018 của Ủy ban nhân dân xã B, thành phố C, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

- Về con chung: Chị Đỗ Thi N có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Châu V, sinh ngày 17/7/2015 đến khi cháu V tròn 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đôi bên xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đôi bên xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm do hòa giải thành nên giảm 50%: 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), anh Trần Văn M tự nguyện nộp và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002656 ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ, anh Trần Văn M còn được nhận lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã B, thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Rẻn